

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 04/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Trung Văn.
- Ông Nguyễn Đức Bích.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Bát - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/TLST- HS ngày 19/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 21/01/2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB- TA ngày 01/02/2021 và Thông báo hoãn phiên tòa số 02/TB- TA ngày 19/02/2021 đối với bị cáo:

Trương Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/1985 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Trương B, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1955; có chồng là Trần Q, sinh năm 1981 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1972; địa chỉ: Khóm 8, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 92/20B/15 Phạm H, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Quang Mỹ P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 39 Đỗ Anh H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
- Ông Lê Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố 1, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố 3, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 4, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Anh Phạm Đức D, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.
- Anh Trần T, sinh năm 1993; địa chỉ: số 89 Trần Văn O, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
- Ngân hàng thương mại cổ phần V– Chi nhánh Quảng Trị; địa chỉ: 16 H, thành phố Đ, Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Hồ Duy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Chị Lý Thị Mỹ D, sinh năm 1990; địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.
- Ông Trần M, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Cao Đình N; địa chỉ: Khu phố 8, phường 5, thành phố Đ, Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Võ Thùy S; địa chỉ: Khu phố 9, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Trị, có mặt.
- Chị Lê Mai S, sinh năm 1991; địa chỉ: Phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- Anh Phan Viết L; địa chỉ: Văn phòng thừa phát lại T – Số 31, H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Anh Trần Tuấn L; địa chỉ: Văn phòng thừa phát lại Q – Số 805 Trần Hưng Đ, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2017, Trương Thị Mỹ T thành lập và làm Giám đốc Công ty TNHH MTV B, chuyên sản xuất, kinh doanh tinh dầu các loại. Để mở rộng sản xuất, tháng 12/2017 T cùng chồng là Trần Q thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số CK489456 do UBND huyện H cấp ngày 01/12/2017 mang tên vợ chồng T để vay số tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện H.

Đến cuối tháng 8/2018, T được một người đàn ông (không quen biết, nói giọng miền Bắc) điện thoại hỏi T có nhu cầu vay tiền hay không và hướng dẫn T nếu muốn vay tiền thì phải làm giả giấy tờ như sổ đỏ giả hoặc giấy tờ giả khác chứng minh có tài sản thì dễ vay hơn, việc sử dụng các giấy tờ giả này sẽ không qua xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường nên sẽ không ai biết, bao giờ trả nợ xong thì hủy giấy tờ giả đi. Do cần tiền để đầu tư kinh doanh và trả nợ nên T đồng ý, người này cung cấp số điện thoại 0931.310283 và nói đó là số của người chuyên làm giấy tờ giả. T liên hệ với người có số điện thoại nói trên qua tài khoản Zalo có tên “Nguyễn Tín T” để thuê làm giả các loại tài liệu bằng cách gửi hình ảnh của các giấy tờ, tài liệu qua tin nhắn. Khi có các tài liệu giả nói trên, T đã đưa ra thông tin gian dối để những người khác tin tưởng đây là những tài liệu thật để cho T vay tiền với tổng số tiền là 4.970.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Vào khoảng cuối tháng 8/2018, T thuê làm 01 sổ đỏ giả số CK489456 cấp ngày 01/12/2017, lấy thông tin thửa đất của vợ chồng T có địa chỉ tại thôn C, xã với giá là 13.000.000 đồng. Ngày 15/9/2018, T sử dụng sổ đỏ giả mới làm được nêu trên ký hợp đồng với bà Nguyễn Thị Hồng P vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán trả đầy đủ, đúng hạn. Ngày 07/10/2018, tại Văn phòng thừa phát lại T, thành phố Đà Nẵng, T sử dụng sổ đỏ giả nêu trên cùng xe ô tô biển số 74A-073.89 và 04 lò nấu tinh dầu để tiếp tục ký hợp đồng với bà Nguyễn Thị Hồng P vay số tiền 800.000.000 đồng (Hợp đồng không được chứng thực nhưng việc giao nhận tiền được Văn phòng Thừa phát lại T chứng kiến, ghi nhận và lập Vi bằng số 74/2018/VB-TPL ngày 07/10/2018).

- **Lần thứ hai:** Vào khoảng đầu tháng 11/2018, T tiếp tục thuê làm 02 sổ đỏ giả

(trong đó: 01 sổ lấy thông tin thửa đất có địa chỉ tại thôn C, xã H và 01 sổ lấy thông tin sổ đỏ số CK493521 của bà Nguyễn Thị Thanh K có địa chỉ tại Quốc Lộ 1A, thị trấn H) với giá 11.000.000 đồng. Sau khi có sổ đỏ giả, ngày 16/11/2018, tại Văn phòng Thừa phát lại Q, thành phố Hồ Chí Minh, T sử dụng sổ đỏ giả có số CK 493521 cấp ngày 21/9/2018 ký kết hợp đồng với ông Phạm Đức D vay số tiền 150.000.000 đồng (Hợp đồng không được chứng thực nhưng việc giao nhận tiền được Văn phòng Thừa phát lại Q chứng kiến, ghi nhận và lập Vi bằng số 10062/2018/VB-TPLQ5 ngày 16/11/2018).

Ngày 20/11/2018, tại thành phố Đ, T sử dụng sổ đỏ giả có số CK489456 cấp ngày 20/7/2017 để vay của ông Nguyễn Quang Mỹ P số tiền 200.000.000 đồng. Ngay trong ngày 20/11/2017, T trả đủ tiền cho P.

Khoảng cuối tháng 11/2018, tại thành phố Đ, T sử dụng sổ đỏ giả số CK489456 cấp ngày 20/7/2017 để vay của anh Nguyễn Quang Mỹ P số tiền 500.000.000 đồng.

- **Lần thứ ba:** Khoảng cuối tháng 11/2018, T thuê làm 01 sổ đỏ giả lấy thông tin theo sổ đỏ số CK493521 của bà Nguyễn Thị Thanh K với giá 11.000.000 đồng, sau khi nhận sổ đỏ giả số CK 493521 cấp ngày 20/7/2018, ngày 05/12/2018 tại Văn phòng Công chứng T, Trang sử dụng sổ đỏ giả có số nêu trên để công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh T vay số tiền 620.000.000 đồng.

- **Lần thứ tư:** Ngày 06/12/2018, T thuê làm 02 sổ đỏ giả và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (01 sổ đỏ lấy thông tin thửa đất có địa chỉ tại thôn C, xã H; 01 sổ đỏ lấy thông tin thửa đất của bà Nguyễn Thị Thanh K. Ngày 24/12/2018, tại Văn phòng công chứng T, thành phố Đ, T sử dụng sổ đỏ giả có số CK489456 cấp ngày 20/7/2017 và sổ đỏ giả có số CK493521 cấp ngày 29/9/2018; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả có số 012383 để ký kết hợp đồng với ông Lê Ngọc T để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Khoảng giữa tháng 12/2018, tại thị xã Q, T sử dụng sổ đỏ giả có số CK489456 để cầm cố cho ông Lê Văn T vay số tiền 200.000.000 đồng.

- **Lần thứ năm:** Ngày 01/01/2019, T thuê làm 01 sổ đỏ giả lấy thông tin từ lô đất có địa chỉ tại ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương với giá 7.000.000 đồng. Ngày 04/01/2019, T sử dụng sổ đỏ giả này để ký hợp đồng với ông Nguyễn Quang Mỹ P để vay số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2019, tại Văn phòng công chứng T, thành phố Đ, Trang tiếp tục dùng sổ đỏ giả có số CK489456 cấp ngày 12/6/2017 để thế chấp cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 700.000.000 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định: Do nợ tiền hợp tác kinh doanh với bà Nguyễn Thị Ngọc H, T đã thuê làm 01 sổ đỏ giả lấy thông tin của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Khu đô thị Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị từ một tài khoản

trên mạng xã hội Facebook với giá 11.000.000 đồng. Ngày 12/01/2019, T viết giấy xác nhận với nội dung: T chuyển nhượng cho bà H mảnh đất theo thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên với số tiền T nợ là 400.000.000 đồng. Ngày 20/01/2019, bà H biết thông tin T liên quan đến vụ sở đồ giả ở Văn phòng Công chứng T nên gọi điện hỏi T thì T thừa nhận sở đồ mà T đưa là giả. Ngày 21/02/2020, bà H viết đơn tố cáo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H. Đến ngày, 24/02/2020 bà H tự nguyện xin rút đơn vì T đã trả hết 400.000.000 đồng cho bà H.

Tại các Bản kết luận giám định số 340/KLGD-PC09 ngày 08/4/2019, số 434, 435/KLGD-PC09 ngày 13/5/2019, số 485/KLGD-PC09 ngày 03/6/2019, số 488/KLGD-PC09 ngày 04/6/2019, số 473/KLGD-PC09 ngày 22/6/2020 của Phòng PC09 Công an tỉnh Quảng Trị kết luận các tài liệu trên là giả và được làm bằng phương pháp in phun màu.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-HL ngày 19/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Trương Thị Mỹ T về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải L giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm n, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả được thu giữ trong quá trình điều tra vụ án.

Trong phần tranh luận: Bị cáo, kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Sau khi thu lý vụ án, ngày 29/9/2020 Tòa án nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 03/2020/HSST-QĐ về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung với nội dung: “Trong vụ án này, các tội phạm xảy ra ở nhiều địa phương khác ngoài địa bàn huyện H. Vì vậy, cần làm rõ thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử theo Điều 163, 239 và 269 Bộ luật tố tụng hình sự; xem xét đối với hành vi của bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xem xét đối với chồng của bị cáo (Trần Q) có đồng

phạm với bị cáo trong tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” hay không”. Ngày 15/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Văn bản số 01/VKSHL không đồng ý với Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2020/HSST-QĐ ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải L và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hải L để xét xử theo thẩm quyền.

Ngày 31/12/2020, Tòa án nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 04/2020/HSST-QĐ về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ hai với nội dung: Làm rõ hành vi của bị cáo có cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” hay không. Ngày 19/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H ban hành Bản cáo trạng số 03/CT-VKSHL chỉ truy tố bị cáo Trương Thị Mỹ T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự để thay thế Bản cáo trạng số 23/CT-VKSHL ngày 12/9/2020.

Ngày 19/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Hải L thụ lý vụ án lần thứ ba, từ khi thụ lý lại vụ án đến tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do cần tiền để sản xuất, kinh doanh nên trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8/2018 đến đầu tháng 9/2019, Trương Thị Mỹ T đã liên lạc với một người (không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) qua tài khoản Zalo có tên “Nguyễn Tín T” được đăng ký bằng số thuê bao 0931.310283. T chụp và cung cấp hình ảnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật cho người có tài khoản Zalo Nguyễn Tín T để làm 09 tài liệu giả (trong đó có 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả).

Khi có các tài liệu giả nói trên, T đã sử dụng các tài liệu giả này làm cho người khác tin tưởng đây là tài sản thật của T, thế chấp để vay tổng số tiền là 4.970.000.000 đồng. Trong đó, T vay của chị Nguyễn Thị Hồng P 02 lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng; vay anh Phạm Đức D 01 lần với số tiền 150.000.000 đồng; vay anh Nguyễn Quang Mỹ P và anh Lê Ngọc T 04 lần với tổng số tiền 1.900.000.000 đồng; vay anh Trần Thanh T 01 lần với số tiền 620.000.000 đồng; vay ông Lê Văn T 01 lần với số tiền 200.000.000 đồng; vay bà Nguyễn Thị H 01 lần với số tiền 700.000.000 đồng và vay bà Nguyễn Thị Ngọc H 01 lần với số tiền 400.000.000 đồng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Như vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu; gây mất trật tự trị an ở địa phương đồng thời gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; thời điểm phạm tội, bị cáo đang mang thai và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng đề xuất về mức hình phạt của đại Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Bà Nguyễn Thị Thanh K không biết việc T lấy thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để làm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Anh Trần Q là chồng bị cáo có tham gia ký kết các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng với bị cáo, anh Hồ Duy T và anh Nguyễn Đăng T chuyển tiền giúp cho bị cáo, bà Đặng Thị B cất giữ sổ đỏ giả cho bị cáo. Tuy nhiên, những người này không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[5] Đối các đối tượng liên quan đến việc làm sổ đỏ giả và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho bị cáo, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa có căn cứ để xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận về dân sự. Đến nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì khác về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả được thu giữ trong quá trình điều tra, mặc dù không có giá trị sử dụng nhưng là vật chứng nên không tiêu hủy mà cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm n, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Mỹ T phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả được thu giữ trong quá trình điều tra vụ án.

3. Án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trương Thị Mỹ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- CA, VKSND, THADS huyện Hải Lăng;
- Người tham gia tố tụng;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh